

Số: /KH-UBND

Tiền Nông, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII), Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 10/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (Sau đây viết tắt là Nghị quyết số 42-NQ-TW); Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 10/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (Sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 56-CTr/TU) và Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) và Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 10/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (Sau đây viết tắt là Kế hoạch số 68/KH-UBND).

UBND xã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 10/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh trên địa bàn xã Tiền Nông với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chương trình hành động số 56-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 68/KH-UBND của UBND tỉnh; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, cán bộ, công chức và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Làm cơ sở để các ngành, cán bộ công chức theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chương trình hành động số 56-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 68/KH-UBND của UBND tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách xã hội của Trung ương; của tỉnh theo hướng tiến bộ, công bằng, đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển xã Tiến Nông theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tiến Nông..

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

a) Về lao động, người có công và xã hội

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 2,5%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 87% trong đó, có bằng cấp chứng chỉ đạt 35%.

- 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH); và trên 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN); 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

- 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng lao động thoát nghèo.

b) Về giáo dục - đào tạo, y tế - dân số

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 -5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%, duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh đạt 107 bé trai/100 bé gái; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm;

- Trên 97% dân số tham gia bảo hiểm y tế (BHYT); trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin duy trì hàng năm đạt trên 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 8%, thể thấp còi dưới 10%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

c) Về nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường

- Xóa bỏ hoàn toàn nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 33,2m² sàn/người.

- 90% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

d) Về thông tin - truyền thông

- Tỷ lệ số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt 75%; 100 thôn/xóm được phủ sóng di động băng rộng, phủ băng rộng cố định; 80% hộ gia đình có truy cập Internet băng rộng cáp quang.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách xã hội của Trung ương; của tỉnh theo hướng tiến bộ, công bằng, đa dạng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần xây dựng xã Tiến Nông giàu đẹp, văn minh, hiện đại, phát triển toàn diện và kiểu mẫu.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

- Tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò quan trọng của chính sách xã hội; phải coi việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của xã và của từng đơn vị thôn.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh về đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội. Tuyên truyền và nhân rộng các mô hình an sinh xã hội điển hình, có cách làm sáng tạo, hiệu quả; biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; kiểm điểm, xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ các chủ

trương, nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách xã hội.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng tăng cường tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh về chính sách xã hội.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cá thể hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước về an sinh xã hội; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách; triển khai áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Tăng cường công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”; tích cực tuyên truyền, vận động, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và toàn xã hội tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người có công, nhất là người có công gặp khó khăn trong cuộc sống. Có chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất, tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Bảo đảm người có công và gia đình người có công trên địa bàn phải có mức sống cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Tập trung rà soát, giải quyết căn bản những tồn đọng trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; phối hợp tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sỹ; quan tâm xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sỹ, nghĩa trang liệt sỹ, các công trình ghi công liệt sỹ.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học tại cơ sở GDNN; thực hiện đào tạo nghề kết hợp dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở GDNN. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục đại học và GDNN; tăng cường gắn kết doanh nghiệp với hoạt động GDNN; thường xuyên kiểm định chất lượng GDNN.

Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động. Phòng, chống tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động, như: tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Tuyên truyền các chính sách hỗ trợ người xuất khẩu lao động, các thị trường đảm bảo thu nhập cho người lao động. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hiện đại hoá công tác dự báo, thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

Tăng cường gắn kết công tác giải quyết việc làm với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hoá dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, tiến tới bao phủ toàn bộ lực lượng lao động; thực hiện cải cách chính sách BHXH, mở rộng hệ thống BHXH, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách BHXH bắt buộc đối với người lao động và thành viên

của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tuyên truyền BHYT toàn dân; nâng cao nhận thức cho người dân hiểu và tham gia BHYT là quyền và trách nhiệm của mình.

Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác; ưu tiên hỗ trợ người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo...

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng, cụ thể:

6.1. Về giáo dục: Thực hiện giáo dục quốc dân theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

6.2. Về y tế: Chỉ đạo thực hiện công tác y tế đảm bảo công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân, hướng tới BHYT toàn dân, bảo đảm an ninh y tế. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; quản lý tốt các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chương trình cải thiện dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực của người dân trên địa bàn; bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa dịch bệnh, phát triển y tế học đường, triển khai và mở rộng mô hình y học gia

đình. Tăng cường chuyên đổi số trong công tác quản lý nhà nước về y tế, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, công tác khám chữa bệnh, BHYT.

6.3. *Về văn hoá:* Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hoá dân tộc, văn hoá của đồng bào các DTTS. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt là nông thôn, vùng đồng bào DTTS, miền núi, nơi tập trung đông người lao động... Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của Nhân dân.

6.4. *Về thông tin:* Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo đảm người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số.

6.5. *Về nhà ở:* Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là chính quyền địa phương trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở phù hợp, chất lượng và an toàn. Triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội cho một số đối tượng khó khăn; chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu. Huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển nhà ở xã hội.

6.6. *Về nước sạch, vệ sinh môi trường:* Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân ở vùng nông thôn, Triển khai thực hiện chính sách về nước sạch đồng bộ, thống nhất, liên ngành, liên vùng và bảo đảm an ninh nguồn nước. Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp phù hợp để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Củng cố và phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, người DTTS. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, BHXH, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ mồ côi, người cao

tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các cam kết về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, việc làm và an sinh xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Khai thác có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và các điều ước quốc tế khác cho thực hiện chính sách xã hội. Tích cực tham gia, đóng góp xây dựng các định hướng hợp tác quốc tế lớn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các cơ chế hợp tác đa phương mới liên quan đến việc làm, an sinh xã hội và các chính sách xã hội khác, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc; tranh thủ nguồn lực quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là người đứng đầu tăng cường quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

Tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn; kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về chính sách xã hội.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng thường xuyên lắng nghe, nắm bắt, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh về chính sách xã hội; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ngành, đơn vị có liên quan, cán bộ công chức căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả ở đơn vị.

2. Giao Công chức phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan đầu mối, chủ trì đôn đốc, kiểm tra các ngành, đơn vị có liên quan trong

việc triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND huyện và Phòng Lao động - TBXH theo quy định./.

Nơi nhận:

- TTr Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- UBMTTQ, các đoàn thể cấp xã;
- TRường, trạm y tế;
- 7 đơn vị thôn
- Lưu VT-LĐTĐTBXH (Ph).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Toàn